

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYÊN
QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2026/HNGĐ-
ST

Ngày: 10-8-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn có yếu tố nước
ngoài”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hương và ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hùng Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Linh H, sinh năm 2003. Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Phòng số 101, tòa Plandor 423, số D N, K-cho, thành phố H, tỉnh Wakayama, Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Như Q, sinh năm 2003 và ông Trần Hải Đ, sinh năm 2004. Địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường P, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Hà Duy K, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ thôn Làng Đầu, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Bàn Thị Linh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hà Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Tuyên Quang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 31/3/2023. Chị H và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2025, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, cả hai vợ chồng phải sang Nhật Bản theo diện xuất khẩu lao động để xây dựng kinh tế gia đình. Tuy hai vợ chồng cùng sinh sống, làm việc tại Nhật Bản nhưng mỗi người ở một nơi, không cùng chung sống nên bắt đầu nảy sinh tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Hơn nữa, khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho cả hai bên khi giải quyết công việc gia đình, khiến cho cuộc sống hôn nhân bế tắc, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Chị H đã nhiều lần đề nghị anh Hà Duy K tiến hành thủ tục ly hôn nhưng anh K không đồng ý, không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi anh K đang làm việc trong quá trình làm thủ tục ly hôn nên chị H không biết được địa chỉ cụ thể của anh K tại Nhật Bản. Chị H nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Duy K.

- Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023. Hiện nay cháu S đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh K là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 và ông Hà Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ thôn Làng Dầu, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị H để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Quỳnh S cho đến khi cháu S trưởng thành. Trong thời gian anh K lao động ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thị L và ông Hà Văn T trông nom, chăm sóc, khi nào về nước anh K sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sam. Nếu anh K đề nghị cấp dưỡng thì chị H sẽ cấp dưỡng nuôi cháu S là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, nếu anh K không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Hà Duy K sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, không có mặt tại Tòa án để làm việc: Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị L – là bố mẹ đẻ của anh Hà Duy K được biết. Anh K hiện đang sinh sống và làm việc cho các công trình tại Nhật Bản. Do ông bà chỉ liên lạc với anh K qua mạng xã hội Messenger nên không biết anh K hiện nay đang sinh sống, làm việc tại địa chỉ cụ thể nào. Ông T, bà L đã nhận Thông báo Tòa án gửi cho anh K theo địa chỉ tại thôn L, xã Y và đã gửi lại cho anh K qua M để anh K biết nội dung chị H xin ly hôn. Cả hai lần Tòa án gửi thông báo ông T, bà L đều gửi cho anh K, anh K đều trao đổi lại với bà L về việc nhất trí ly hôn với chị H và có nguyện vọng nuôi dưỡng Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023 và nhờ ông T, bà L (là bố mẹ đẻ của anh K) chăm sóc cháu S trong thời gian anh K đi làm. Anh K nhất trí để chị H cấp dưỡng nuôi cháu S

mức 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hằng tháng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Anh K không xin nghỉ làm để về Việt Nam giải quyết việc ly hôn với chị H theo nội dung Thông báo Tòa án gửi, anh K có ý kiến nhất trí để Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên ông T, bà L không hỏi địa chỉ nơi anh K đang sống và làm việc.

Tại Văn bản số 924/QLXNC-Đ1 ngày 05/6/2026 của Phòng Q1 Công an tỉnh T, anh Hà Duy K, sinh ngày 18/6/2000, căn cước công dân số: 008200004389 đã xuất cảnh ngày 10/6/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ông T và bà L1 là bố mẹ chồng của chị H, hiện nay cháu Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023 là con chung của chị H và anh K đang sống cùng ông bà. Từ khi chị H, anh K đi làm tại Nhật Bản đã nhờ ông bà trông nom, chăm sóc cháu S nên ông bà không có ý kiến gì. Ông bà nhất trí sẽ chăm sóc, trông nom, giáo dục các cháu đến khi anh K đi làm về nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 104, 107, 110, 116, 117, 118, 122, 123, 124, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Bàn Thị Linh H: Cho chị H được ly hôn với anh Hà Duy K.

- Về con chung: Giao cháu Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023 cho anh Hà Duy K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do anh K đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản nên ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị L (là bố, mẹ đẻ của anh K) có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu S cho đến khi anh K hết thời hạn lao động và về Việt Nam.

Chị Bàn Thị Linh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà Quỳnh S mức 2.000.000đ (Một triệu đồng)/01tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ tháng 8 năm 2026 đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Bàn Thị Linh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bàn Thị Linh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Hà Duy K không có ý kiến, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị Linh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Bàn Thị Linh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Duy K; chị H đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, anh K đăng ký thường trú tại thôn L, xã Y, tỉnh Tuyên Quang và hiện cùng đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 124, 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Về bổ sung người tham gia tố tụng: Do chị H, anh K cùng sinh sống, làm việc tại Nhật Bản. Chị H có ý kiến tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề nghị Tòa án tạm giao con của chị và anh K cho ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị L (là bố, mẹ đẻ của anh K) trông nom, chăm sóc trong thời gian anh K đi làm tại Nhật Bản. Anh Hà Duy K đã trao đổi với ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị L về việc muốn được nuôi dưỡng cháu Hà Quỳnh S, đề nghị ông T, bà L trông nom, chăm sóc cháu S trong thời gian anh K đi làm tại Nhật Bản. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án xác định ông T, bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L đều đã nhận Thông báo của Tòa án, Thông báo về việc giao nộp, thu thập tài liệu, chứng cứ và ý kiến của đương sự trong vụ án, ông L, bà T1 không có yêu cầu độc lập, đề nghị không tham gia phiên họp; Tòa án xác định ông Hà Văn T và bà Nguyễn Văn L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vắng mặt đương sự: Tòa án đã tiến hành làm việc lần thứ hai với bố mẹ đẻ của anh K để xác định địa chỉ cụ thể của anh K tại Nhật Bản nhưng do chỉ liên lạc qua mạng xã hội M với anh K nên gia đình không rõ địa chỉ cụ thể và xác nhận vẫn liên lạc, trao đổi thường xuyên với anh K. Do đó, Tòa án áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Chị Bàn Thị Linh H đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản và có ý kiến đề nghị không tiến hành hòa giải, anh Hà Duy K đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản nhưng không có địa chỉ cụ thể nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Linh H, anh Hà Duy K có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2023 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang, kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị Bàn Thị Linh H cho thấy: Tuy hai vợ chồng cùng sinh sống, làm việc tại Nhật Bản nhưng mỗi người ở một nơi, không cùng chung sống nên bắt đầu nảy sinh tranh cãi, mâu thuẫn, chị H, anh K bất đồng quan điểm sống, tính cách, hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Do khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho cả hai bên khi giải quyết công việc gia đình, khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng bế tắc, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng.

Lời khai của ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị L và tại biên bản xác minh với ông Hà Văn T2- Trưởng thôn Làng Đầu cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị H, anh K đã nảy sinh mâu thuẫn do nguyên nhân như thế nào thì gia đình và thôn không nắm được. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giải quyết vụ án anh K đã trao đổi với ông T, bà L về việc nhất trí ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy chị H, anh K cùng làm việc tại Nhật Bản nhưng không cùng chung sống, lời khai của chị H cho thấy giữa chị H và anh K có nảy sinh mâu thuẫn là thực tế, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Bàn Thị Linh H và anh Hà Duy K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Linh H, xử cho chị Bàn Thị Linh H được ly hôn với anh Hà Duy K.

[2.2] Về con chung: Chị H có ý kiến cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023; anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Chị H, anh K đề nghị Tòa án tạm giao con của chị H và anh K cho ông T, bà L (là bố mẹ đẻ của anh K) trông nom, chăm sóc cháu S thay anh K. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện nuôi dưỡng con của chị H, anh K là như nhau do cả hai đều đang làm việc, sinh sống tại Nhật Bản. Ông T, bà L nhất trí trông nom, chăm sóc con của chị H, anh K khi anh chị đi làm tại Nhật Bản. Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của các đương sự, điều kiện sinh sống của cháu S cháu thấy rằng cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 104 Luật Hôn nhân và gia

đình, giao cháu Hà Quỳnh S cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh K đang ở nước ngoài nên ông T, bà L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H, anh K đến khi anh K hết thời hạn lao động và về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng, anh K có ý kiến thông qua bà L nhất trí với mức cấp dưỡng như chị H đề nghị và yêu cầu chị H cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ các Điều 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc chị H có trách nhiệm cấp dưỡng theo mức 2.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 với phương thức cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi phù hợp.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị thanh toán chi phí khi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*: Chị Bàn Thị Linh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng; anh Hà Duy K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 104, 107, 110, 116, 117, 118, 122, 123, 124, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Linh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị Linh H được ly hôn với anh Hà Duy K (*Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 31/3/2023 của UBND xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung:

Giao cháu Hà Quỳnh S, sinh ngày 16/9/2023 cho anh Hà Duy K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do anh K đang ở nước ngoài nên ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Quỳnh S cho đến khi anh K hết thời hạn lao động và về Việt Nam.

Chị Bàn Thị Linh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà Quỳnh S mức 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/01 tháng, cấp dưỡng theo tháng, phương thức cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Bàn Thị Linh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Bàn Thị Linh H đã nộp tạm ứng án phí theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000115726348 ngày 12/5/2026 của Công ty Cổ phần T3 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 178, ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị H phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại.

Anh Hà Duy K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị Linh H, anh Hà Duy K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ; ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Mai Thanh Tùng
Hường**

Trần Thị

Đào Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự;

TÒA

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- UBND xã Yên Nguyên (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

- Lưu.

Đào Thị Bích Ngọc

